

Bản án số: 21/2019/HS-PT
Ngày: 19-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Cường

Bà Nguyễn Thị Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa là Thẩm tra viên của Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Võ Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 81/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị N - sinh năm 1960, tại tỉnh Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Minh K(chết) và bà: Trương Thị M, sinh năm 1930; Chồng: Lê Thanh P, sinh năm 1949. Có 05 con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 42/2018/HSST-LCCT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L(Có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

Người bị hại: Bà Trần Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1990

Trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị N và chị Trần Nguyễn Hoàng D có mối quan hệ quen biết nhau. Khoảng tháng 11/2017, Năm mượn chị D chiếc xe mô tô hiệu VESPA màu trắng,

BKS 86B6-15934 trong thời hạn một ngày để đi cưới ở PT. Chị D đồng ý nên đã giao xe cùng với chìa khóa và giấy đăng ký cho N. Những ngày sau đó, không thấy N trả xe nên chị D đã nhiều lần tìm gặp đòi lại. Do muốn chiếm đoạt chiếc xe nói trên nên N nói dối đã cho con mượn đi Sài Gòn, rồi lại nói đã cầm cố rồi xin thời gian chuộc lại xe. Thực tế, đến ngày 14/01/2018, N đã bán xe mô tô nói trên cho chị Nguyễn Thị Mỹ L ở kp 3, phường T, thị xã L với giá 50.000.000đồng. Đến khoảng tháng 4 năm 2018, khi biết N bán xe của mình, chị D tố cáo sự việc đến Cơ quan Công an, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã L mời N lên làm việc và bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 55/KL-ĐGTS ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 01 xe mô tô, biển số 86B6-159.34, nhãn hiệu Piaggio, số loại Vespa, màu trắng, đã qua sử dụng. Giá trị còn lại: 45.000.000đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô, biển số 86B6-159.34, nhãn hiệu Piaggio, số loại Vespa, màu trắng, đã qua sử dụng cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Cơ quan CSĐT công an thị xã L đã trả lại cho bị hại Trần Nguyễn Hoàng D theo biên bản trả lại tài sản ngày 17/7/2018.

Về dân sự: Bị hại Trần Nguyễn Hoàng D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng dùng để cầm xe mô tô 86B6-159.34 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 81/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, đã xử như sau: **Tuyên bố:** Bị cáo Võ Thị N, phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. **Áp dụng:** Điểm a Khoản 1 Điều 175; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt:** Bị cáo Võ Thị N **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. **Về án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Võ Thị N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, bị cáo Võ Thị N làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; với lý do: Tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả đã xảy ra, đã trả cho bị hại 50.000.000đồng tiền bán xe; bị hại đã nhận được tài sản. Bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Khi nghe tin bị hại báo công an thì bị cáo đã tự nguyện đến công an trình diện; biết ăn năn hối cải; Bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chồng bị cáo là người có công với Cách mạng, là thương binh tỷ lệ 22% hạng 4/4; Bệnh binh, mất sức lao động 61% được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; hiện nay chồng của bị cáo bị tai nạn phải nằm viện điều trị không có ai chăm sóc.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Kháng cáo của bị cáo Võ Thị N xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Võ Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Ý kiến của bị cáo Võ Thị N: Xin Hội đồng xét xử xem xét được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo vì đã Tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả đã xảy ra, đã trả cho bị hại 50.000.000đồng tiền bán xe; bị hại đã nhận được tài sản. Bị cáo lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Khi nghe tin bị hại báo công an thì bị cáo đã tự nguyện đến công an trình diện; biết ăn năn hối cải; Bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chồng bị cáo là người có công với Cách mạng, là thương binh tỷ lệ 22% hạng 4/4; Bệnh binh, mất sức lao động 61% được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; hiện nay chồng của bị cáo bị tai nạn phải nằm viện điều trị không có ai chăm sóc.

Bị hại Trần Nguyễn Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Trần Nguyễn Hoàng D có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên đơn xin rút lại đơn kháng cáo. Do đó hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị N thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

[3] Xét thấy kháng cáo của bị cáo Võ Thị N làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Võ Thị N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng tháng 11/2017, do có nhu cầu sử dụng xe mô tô nên Võ Thị N mượn chị Trần Nguyễn Hoàng D chiếc xe mô tô hiệu VESPA màu trắng, BKS 86B6-15934 trong thời hạn một ngày được chị D đồng ý. Chị D giao xe cùng với chìa khóa và giấy đăng ký xe cho Võ Thị N. Sau khi nhận được xe từ chị D, bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để lấy tiền tiêu xài nên bị cáo đã mang xe đến cầm cố tại tiệm cầm đồ “Q” ở khu phố 3, phường T, thị xã L. Đến ngày 14/01/2018, bị cáo bán xe mô tô nói trên cho chị Nguyễn Thị Mỹ L (chủ tiệm cầm đồ Q) với giá 50.000.000đồng. Về phía chị Trần Nguyễn Hoàng D, khi Võ Thị N không trả xe theo đúng thời hạn mượn và đã nhiều lần yêu cầu Võ Thị N đem trả chiếc xe cho chị nhưng Võ Thị N đều tìm cách thoái

thác. Đến khoảng tháng 4 năm 2018, khi chị D biết được bị cáo N đã bán xe của mình, chị D tố cáo sự việc đến Cơ quan Công an.

Tại kết luận định giá tài sản số 55/KL-ĐGTS ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 01 xe mô tô, biển số 86B6-159.34, nhãn hiệu Piaggio, số loại Vespa, màu trắng, đã qua sử dụng. Giá trị còn lại: 45.000.000đồng. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng muốn có tiền để tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo lợi dụng sự tín nhiệm của chị Trần Nguyễn Hoàng D để mượn xe mô tô Vespa 86B6-159.34 và khi được chị D đồng ý giao tài sản thì liền nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã mang tài sản của chị D đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Thị N đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực bồi thường số tiền cầm cố tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ L ; tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại. Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày chồng bị cáo là người có công với Cách mạng, là thương binh tỷ lệ 22% hạng 4/4; Bệnh binh, mất sức lao động 61% được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; hiện nay chồng của bị cáo bị tai nạn phải nằm viện điều trị không có ai chăm sóc. Xét thấy, đây là tình tiết giảm nhẹ được xem xét tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật; xử phạt bị cáo với mức án 12 tháng tù là hoàn toàn tương xứng và có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Võ Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị N và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm;

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Võ Thị N , phạm tội: "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị N **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Thị N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/3/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA (02 bản), THA thị xã L;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Pv 06 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- Tổ HCTP – TAND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Thúy